

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09/3/2023

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Bảnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Thu Nhi

Bà Lê Thị Thu Yến

-Thư ký phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Diễm Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa: Bà **Ngô Thị Cẩm Thúy** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXX-ST ngày 20 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn P**, sinh năm: 1981. *Có mặt*

Địa chỉ: khu 4 ấp C, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

2/ Bị đơn: Chị **Trần Thị Ngọc H**, sinh năm: 1985. *Xin vắng mặt*

Địa chỉ: số A khu phố 3, Phường X, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/01/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn P trình bày:

Anh và chị Trần Thị Ngọc H cưới nhau năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống đến năm 2012 thì không còn tình cảm với nhau do có mâu thuẫn phát sinh từ nhiều vấn đề, chị H không quan tâm đến anh, không phụ anh chăm sóc con dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, sau đó sống ly thân từ cuối năm 2012 đến nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên anh khởi kiện yêu cầu:

Về hôn nhân: anh xin được ly hôn với chị H;

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung tên Nguyễn Văn K, sinh ngày 24/4/2006, hiện anh đang nuôi dưỡng con. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có.

**Tại bản tự khai bị đơn là chị Trần Thị Ngọc H trình bày:*

Chị và anh P cưới nhau có đăng ký kết hôn. Cách nay khoảng 10 năm thì có mâu thuẫn nên chị về nhà cha mẹ ruột ở, sống ly thân với anh P cho đến nay mà không Hn gần được. Nay chị đồng ý ly hôn với anh P. Chị và anh P có 01 con chung tên Nguyễn Văn K, sinh năm 2006. Chị đồng ý để anh P tiếp tục nuôi con, chị không cấp dưỡng. Chị và anh P không có tài sản và nợ chung.

Tại phiên tòa, anh P vẫn giữ yêu cầu khởi kiện như đã trình bày. Chị H có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đối với đương sự: thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh P được ly hôn với chị H. Về con chung, giao cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị Trần Thị Ngọc H có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* anh Nguyễn Văn P và chị Trần Thị Ngọc H tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2005, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/7/2006 tại UBND xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 088, quyền số 01/2006, như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Theo anh P trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì anh chị chung sống đến năm 2010 thì có mâu thuẫn từ nhiều vấn đề, sau đó thì không tiếp tục sống chung với nhau, chị H về nhà cha mẹ ruột, anh cũng có rước và kêu về vài lần nhưng chị H không chịu về nên cả hai đã sống ly thân cho đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không thể Hn gần cũng như không thể kéo dài nên anh yêu cầu được ly hôn.

Chị H có văn bản trình bày ý kiến là cả hai vợ chồng đã mâu thuẫn và sống ly thân hơn 10 năm nay, do đó chị đồng ý ly hôn.

Xét, anh P xin ly hôn và chị H đồng ý do đó cần công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

[3] *Về con chung:* Anh P và chị H có 01 con chung tên Nguyễn Văn K, sinh ngày 24/4/2006, hiện anh P đang nuôi dưỡng con. Anh P yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Xét ý kiến của anh P thấy rằng con đang sinh sống ổn định với anh kể từ ngày anh chị mâu thuẫn và sống ly thân nhau, cháu có nguyện vọng ở với cha, chị H cũng

đồng ý để anh P nuôi con. Do đó để ổn định về mặt tâm sinh lý cũng như nơi sinh sống của con, nguyện vọng của con, Hội đồng xét xử nghĩ cần tiếp tục giao con cho anh P nuôi dưỡng.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: chị H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh P không yêu cầu.

[5] *Về tài sản và nợ chung*: anh P và chị H trình bày không có.

[6] *Về án phí*: anh P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn P với chị Trần Thị Ngọc H.

2. *Về con chung*: Giao anh Nguyễn Văn P tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Văn K, sinh ngày 24/4/2006. Chị H có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Trần Thị Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh P không yêu cầu.

4. *Về tài sản và nợ chung*: Không có.

5. *Về án phí*: anh Nguyễn Văn P chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0023248 ngày 05/01/2023 của Chi Cục thi Hành án dân sự Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xem như đã nộp xong án phí.

6. *Về quyền kháng cáo*: Anh P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Tp Mỹ Tho;
- Chi cục THADS Tp Mỹ Tho;
- TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Bảnh